

Nghiên cứu về chiến lược học kỹ năng nghe của sinh viên năm nhất Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nguyễn Thị Tú Oanh*, Nguyễn Hà Quỳnh Như*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 03/02/2024; Accepted: 15/02/2024; Published: 20/02/2024

Abstract: This study focuses on identifying the listening strategy use among first-year English students at the University of Foreign Languages and International Studies, Hue University. Based on Oxford's (1990) taxonomy of learning strategies, this research employs a quantitative method through questionnaires and analyses the data using SPSS from 225 students. Results indicate that memory, cognitive, and metacognitive strategies are prioritized.

Keywords: Listening skill, listening strategies, Oxford's taxonomy

1. Đặt vấn đề

Hơn năm thập kỷ trước, lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ đã chứng kiến sự thay đổi từ những nghiên cứu chỉ tập trung vào phương pháp giảng dạy sang quá trình học tập. Trong giai đoạn chuyên tiếp này, chiến lược học tập là một trong những yếu tố then chốt được người học sử dụng trong quá trình học tập để đạt được các mục tiêu cụ thể.

Nghiên cứu này được thực hiện vì những lý do sau. Đầu tiên, nhiều nghiên cứu đã cho thấy sự khác biệt của người học, chẳng hạn như giới tính, tuổi tác, năng lực, động lực, kiểu nhận thức, phong cách học tập, niềm tin học tập và niềm tin vào năng lực bản thân có ảnh hưởng đến việc học ngôn ngữ. Trong số các yếu tố nêu trên, chiến lược học ngôn ngữ (language learning strategies) là một trong những trọng tâm trong lĩnh vực tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ. Đồng thời, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng người học có thái độ tích cực với việc sử dụng các chiến lược học tập trong quá trình học tiếng Anh và việc sử dụng chiến lược học tập giúp nâng cao kết quả học tập. Vậy nên, việc tiến hành nghiên cứu này có thể đóng góp một phần vào dòng chảy xu hướng nghiên cứu chiến lược học tập. Thứ hai, mặc dù nghiên cứu về chiến lược học tập đã xuất hiện từ những năm 1970 nhưng một trong những hướng nghiên cứu có tiềm năng trong tương lai gần là xem xét các khía cạnh có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng chiến lược học tập. Hiện nay, mặc dù có nhiều nghiên cứu điều tra về chiến lược học tập các kỹ năng (KN): nghe, nói, đọc và viết ở trên thế giới và ở Việt Nam, nghiên cứu về việc sử dụng

chiến lược nghe chiếm một tỉ lệ nhỏ so với ba KN còn lại. Đặc biệt, hầu như chưa có nghiên cứu nào được tiến hành ở ngữ cảnh Việt Nam để so sánh việc sử dụng chiến lược nghe giữa những SV có trình độ nghe khác nhau. Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy của người tiến hành nghiên cứu. Cụ thể, nghiên cứu về việc sử dụng chiến lược học nghe của SV sẽ có ý nghĩa nhất định trong quá trình dạy học môn Nghe ở Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Bài viết nghiên cứu vấn đề: Tần suất sử dụng các chiến lược học kỹ năng nghe (KNN) của SV năm nhất khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế như thế nào?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Chiến lược: Theo nghĩa rộng, Brown (1984) cho rằng chiến lược (strategies) là quy trình, phương pháp hoặc nhận thức có chủ đích được sử dụng để giải quyết nhiệm vụ, đạt được mục tiêu hoặc xử lý thông tin. Dựa trên định nghĩa này, Oxford (1990) mở rộng khái niệm về chiến lược học tập (language learning strategies), mô tả chúng như là tập hợp hoặc chuỗi các hành động, cách thức và kỹ thuật mà người học sử dụng để tối ưu hóa quá trình học tập. Họ nhấn mạnh, “chiến lược học tập là những hành động cụ thể mà người học thực hiện để việc học tập trở nên dễ dàng hơn, nhanh hơn, thú vị hơn, chủ động, có định hướng và linh hoạt hơn trong những tình huống mới” (Oxford, 1990, tr.8). Anderson (2005) cũng nhấn mạnh chiến lược học tập không chỉ là những hành động đơn lẻ mà là một chuỗi “những hành động có ý thức” (tr.757) có thể quan sát được hoặc chỉ đơn

thuần là một hiện tượng tâm lý, giúp người học nâng cao kết quả học tập.

2.1.2. Mô hình phân loại chiến lược: Nghiên cứu này sử dụng mô hình phân loại của Oxford (1990); gồm hai nhóm chiến lược chính: trực tiếp (direct) và gián tiếp (indirect). Các chiến lược trực tiếp bao gồm: nhóm chiến lược trí nhớ (memory strategies), nhóm chiến lược nhận thức (cognitive strategies) và nhóm chiến lược bù đắp (compensation strategies). Chiến lược gián tiếp bao gồm ba nhóm nhỏ: nhóm chiến lược siêu nhận thức (metacognitive strategies), nhóm chiến lược tình cảm (affective strategies), và nhóm chiến lược xã hội (social strategies).

2.1.3. Nghiên cứu ở ngoài nước: Kōk (2017) thực hiện một nghiên cứu ở Thổ Nhĩ Kỳ về mối quan hệ giữa việc sử dụng chiến lược nghe hiểu và năng lực nghe hiểu của một nhóm SV có định hướng trở thành giáo viên tiếng Anh; nhóm SV này được chia thành ba nhóm: trình độ cao cấp, trình độ trên trung cấp và trình độ trung cấp dựa vào điểm số bài kiểm tra chuẩn quốc tế, IELTS mà họ đạt được. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng SV có năng lực tiếng Anh càng cao càng có xu hướng sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhận thức.

Rakhman và nnk. (2019) tiến hành một nghiên cứu nhằm xác định những khó khăn mà 26 SV gặp phải trong quá trình học nghe và các chiến lược được áp dụng để vượt qua khó khăn đó. Nghiên cứu sử dụng câu hỏi phỏng vấn và bảng đánh giá chiến lược học ngôn ngữ (Strategy Inventory for Language Learning – SILL) dựa trên mô hình của Oxford (1990). Kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết người học thường sử dụng các chiến lược ghi chú (note-taking), bỏ qua thông tin (skipping) và dùng trí tưởng tượng (using imagery).

2.1.4. Nghiên cứu ở trong nước: Nhìn chung ở Việt Nam, những nghiên cứu về chiến lược mặc dù đã xuất hiện từ nhiều thập kỷ trước nhưng hiện tại chủ đề nghiên cứu này vẫn nhận được một sự quan tâm đáng kể từ các nhà nghiên cứu.

Bui (2016) tiến hành nghiên cứu về việc sử dụng chiến lược siêu nhận thức của 200 học sinh (HS) lớp 10 tỉnh Quảng Ngãi khi học KNN. Kết quả nghiên cứu cho thấy HS sử dụng thường xuyên chiến lược siêu nhận thức trong quá trình học KNN.

Nghiên cứu của Tham và nnk. (2019) tiến hành với HS lớp 11 ở thành phố Hồ Chí Minh để tìm hiểu thực trạng sử dụng chiến lược học nghe của nhóm đối tượng này; nhóm tác giả sử dụng phương pháp hỗn hợp bao gồm hai công cụ: một bảng hỏi và một

bảng phỏng vấn bán cấu trúc. Sau khi phân tích phản hồi từ 425 HS trả lời bảng hỏi, nghiên cứu chỉ ra rằng hầu như HS có sử dụng chiến lược học nghe; tuy nhiên, mức độ sử dụng các nhóm chiến lược không giống nhau. Cụ thể, trong khi mức độ sử dụng nhóm chiến lược nhận thức và siêu nhận thức xếp vị thứ nhất và thứ hai, hai nhóm chiến lược ghi nhớ và bù đắp lại ít được sử dụng đối với nhóm HS cấp ba này.

Huỳnh và nnk. (2020) tiến hành nghiên cứu nhằm so sánh những chiến lược đọc được sử dụng bởi hai nhóm SV không chuyên đang theo học bậc 2/6 và bậc 3/6 tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Nhóm tác giả đã sử dụng một bảng hỏi được chia thành hai phần; phần đầu gồm những câu hỏi về thông tin cá nhân (tuổi, giới tính, và chuyên ngành); phần hai là bộ câu hỏi các chiến lược đọc (survey of reading strategies) được phát triển bởi Mokhtari và Reichard (2002). Bảng hỏi này gồm ba mươi câu hỏi thuộc ba nhóm chiến lược chính: chiến lược tổng thể, chiến lược giải quyết vấn đề, và chiến lược hỗ trợ. Kết quả của nghiên cứu cho thấy SV không chuyên ở cả hai cấp độ đều sử dụng chiến lược đọc ở mức độ trung bình trong quá trình học KN đọc.

Tương tự, nghiên cứu của Vũ và nnk. (2021) về chiến lược học tập ngôn ngữ của SV năm ba chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Đà Lạt cũng cho thấy việc sử dụng sáu nhóm chiến lược (ghi nhớ, nhận thức, bù đắp, siêu nhận thức, nhận thức và xã hội) của người học ở mức trung bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đối tượng của nghiên cứu là những chiến lược học KNN được SV năm nhất khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ Huế sử dụng. Nghiên cứu này được tiến hành ở Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế vào học kỳ thứ hai của niên khóa 2022-2023.

2.2.2. Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu dự kiến sẽ phát bảng hỏi cho khoảng 225 SV năm nhất của 5 học phần Nghe 2 và tiến hành chọn 9 trên 225 SV đã tham gia trả lời bảng hỏi.

2.2.3. Dữ liệu và công cụ thu thập dữ liệu: Bảng hỏi sẽ được thiết kế song ngữ (Anh và Việt) gồm hai phần; phần đầu là những câu hỏi về những thông tin cá nhân (họ tên, giới tính, số năm học tiếng Anh) và phần hai là những câu hỏi về việc sử dụng chiến lược được thiết kế dựa trên mô hình phân loại chiến lược của Oxford (1990). Mỗi chiến lược sẽ được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 cấp độ - ((1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Trung lập, (4) Đồng ý, (5) Hoàn toàn đồng ý.

2.2.4. *Phương pháp phân tích dữ liệu*: Nghiên cứu sẽ sử dụng phương pháp định lượng – bảng hỏi. Cụ thể, một bảng hỏi gồm hai phần sẽ được thiết kế trên Google form và gửi đến khoảng 225 SV năm nhất thuộc 5 nhóm học phần Nghe 1.

Dữ liệu bảng hỏi sau khi thu thập sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) phiên bản 20.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Bảng 2.1 cung cấp cái nhìn tổng quan về tần suất sử dụng 6 nhóm chiến lược học KNN, cụ thể: chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức, chiến lược bù đắp, chiến lược siêu nhận thức, chiến lược tình cảm và chiến lược xã hội của SV năm nhất Khoa Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ Huế. Dữ liệu định tính được thu thập và xử lý thông qua phần mềm thống kê SPSS, phản ánh phản hồi từ 228 người tham gia.

Bảng 2.1: Tần suất sử dụng các nhóm chiến lược học KNN

| STT | Nhóm chiến lược | Số lượng | Giá trị trung bình (GTTB) | Độ lệch chuẩn |
|-----|---------------------------|----------|---------------------------|---------------|
| 1 | Chiến lược ghi nhớ | 228 | 3,90 | 1,0750 |
| 2 | Chiến lược nhận thức | 228 | 3,91 | 1,0746 |
| 3 | Chiến lược bù đắp | 228 | 3,75 | 1,0711 |
| 4 | Chiến lược siêu nhận thức | 228 | 3,89 | 1,0353 |
| 5 | Chiến lược tình cảm | 228 | 3,24 | 1,3268 |
| 6 | Chiến lược xã hội | 228 | 3,41 | 1,3186 |

Từ bảng 2.1, giá trị trung bình (GTTB) của sáu nhóm chiến lược đều lớn hơn 3; giá trị này cho thấy SV có sử dụng các chiến lược trong quá trình học KNN. Hai nhóm chiến lược được dùng nổi trội nhất và có sự chênh lệch không đáng kể lần lượt là chiến lược nhận thức (GTTB=3,91) và chiến lược ghi nhớ (GTTB= 3,90). Theo sát đó là chiến lược siêu nhận thức và chiến lược bù đắp với giá trị trung bình lần lượt là 3,89 và 3,75 cho thấy tần suất SV dùng nhóm chiến lược này khá cao. Đáng chú ý, tần suất sử dụng hai nhóm chiến lược xã hội (GTTB=3,41) và chiến lược tình cảm (GTTB=3,24) ở mức khá thấp so bốn nhóm chiến lược còn lại.

Kết quả về tần suất sử dụng cao các nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược siêu nhận thức khá tương đồng với những nghiên cứu trước đó của Rakhman và nnk. (2019); Bagheri và Fazel (2011); Tham và nnk. (2019); Bui (2016). Tuy nhiên, trong khi việc sử dụng chiến lược ghi nhớ được sử dụng với tần suất khá cao (GTTB 3,90) trong nghiên cứu

này thì ở nghiên cứu của Tham và nnk. (2019) kết quả hoàn toàn đảo ngược, cụ thể chiến lược ghi nhớ rất ít được sử dụng.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã tái khẳng định vai trò quan trọng của chiến lược học KNN đối với SV năm nhất Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Phát hiện chính từ nghiên cứu cho thấy SV áp dụng một loạt các chiến lược học tập, từ chiến lược ghi nhớ, nhận thức, bù đắp, siêu nhận thức, tình cảm đến xã hội, để tối ưu hóa quá trình học của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Anderson, N. J. (2005). L2 learning strategies. In E. Hinkel (Ed.), *Handbook of research in second language teaching and learning* (pp. xx-xx). Lawrence Erlbaum.
- [2]. Brown, H. D. (1984). *Principles of language learning and teaching*. Pearson Longman.
- [3]. Bui, T. T. K. (2016). *An investigation into metacognitive strategy use for listening comprehension by tenth graders in Quang Ngai province* (Unpublished master's thesis).
- [4]. Huỳnh, H. T. L., Nguyễn, L. T. P., Nguyễn, V. P. T., & Lê, P. T. H. (2019). *Nghiên cứu chiến lược đọc hiểu của SV tiếng Anh không chuyên tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*. Tạp Chí Khoa Học Ngôn Ngữ Và Văn Hóa, 3(3).
- [5]. Kök, İ. (2017). *Relationship between listening comprehension strategy use and listening comprehension proficiency*. International Journal of Listening, 32(3), 163–179. <https://doi.org/10.1080/10904018.2016.1276457>
- [6]. Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know (1st ed.)*. Heinle & Heinle.
- [7]. Rakhman, F. A., Tarjana, S. S., & Marmanto, S. (2019). *Explicating listening difficulties and listening strategies of Indonesian EFL learners*. International Journal of Social Sciences & Educational Studies, 6(2), 51–63. <https://doi.org/10.23918/ijsses.v6i2p51>
- [8]. Tham, D. M., Trang, T. T., & Thao, T. Q. (2019). *Eleventh Graders' actual use of English listening learning strategies at Duong Van Duong High School*. VNU Journal of Foreign Studies, 35(1). <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4341>
- [9]. Vũ, N. Đ., Khoa, L. V., & Hòa, L. T. (2021). *Language learning strategies: A case study with English Juniors at Dalat University*. TNU Journal of Science and Technology, 226(13), 82–90. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5055>